

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYÊN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 25-01-2024
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYÊN, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Văn Hiệp;

Bà Nguyễn Hồng Phượng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Tiểu Loan – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện Mỹ Xuyên tham gia phiên tòa: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 236/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 389/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lâm Thanh T, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Bà Võ Thị P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp H, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn ngày 01 tháng 12 năm 2023, nguyên đơn ông Lâm Thanh T trình bày:

Ông Lâm Thanh T và bà Võ Thị P đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng theo giấy chứng nhận kết hôn số 01 ngày 04/3/2009. Sau khi

kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 11 năm. Đến năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Vợ chồng đã không còn sống chung với nhau khoảng 03 tháng nay. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà P.

Về con chung: Ông T và bà P có 03 con chung là Lâm Thị Kim T1, sinh ngày 10/8/2004, Lâm Thị Thu T2, sinh ngày 16/3/2006 và Lâm Thị Hồng T3, sinh ngày 28/8/2013. Khi ly hôn ông T yêu cầu được quyền nuôi con là Lâm Thị Thu T2 và Lâm Thị Hồng T3, yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con Lâm Thị Hồng T3 theo quy định pháp luật.

Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn bà Võ Thị P:* Toà án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng bà Võ Thị P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử ông T được ly hôn với bà P. Về con chung: Giao cho ông T được quyền nuôi 02 con chung là Lâm Thị Thu T2, sinh ngày 16/3/2006 và Lâm Thị Hồng T3, sinh ngày 28/8/2013. Buộc bà Võ Thị P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lâm Thị Hồng T3, sinh ngày 28/8/2023 mỗi tháng 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung Lâm Thị Hồng T3 đủ 18 tuổi. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ông Lâm Thanh T và bà Võ Thị P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Ông T có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà P vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị P và ông Lâm Thanh T tự nguyện kết hôn, đăng ký kết hôn ngày 04/3/2009 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng nên quan hệ hôn nhân giữa bà Võ Thị P và ông Lâm Thanh T là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xét lý do yêu cầu ly hôn của ông Lâm Thanh T: Theo đơn khởi kiện, ông T xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn và cương quyết yêu cầu được ly hôn. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T và bà P đã không còn chung sống với nhau do bất đồng ý kiến, không hàn gắn được. Do đó có đủ cơ sở xác định mâu thuẫn giữa ông T và bà P đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không còn khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông T và bà P có 03 con chung là Lâm Thị Kim T1, sinh ngày 10/8/2004, Lâm Thị Thu T2, sinh ngày 16/3/2006 và Lâm Thị Hồng T3, sinh ngày 28/8/2013. Con chung là Lâm Thị Kim T1, sinh ngày 10/8/2004 đã đủ 18 tuổi, ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Con chung Lâm Thị Thu T2, sinh ngày 16/3/2006 và Lâm Thị Hồng T3, sinh ngày 28/8/2013 hiện nay đang sống chung với ông T và cháu T2, T3 có nguyện vọng sống với ông T. Ông T cũng yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi con chung T2, T3. Hội đồng xét xử căn cứ theo nguyện vọng của con chung và nhằm để ổn định, không làm ảnh hưởng đến cuộc sống của con chung thì cần thiết giao con chung Lâm Thị Thu T2, Lâm Thị Hồng T3 cho ông T trực tiếp nuôi cho đến khi con chung Lâm Thị Thu T2, Lâm Thị Hồng T3 đủ 18 tuổi. Bà P được quyền thăm nom con chung Lâm Thị Thu T2 và Lâm Thị Hồng T3, không ai được quyền cản trở.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Theo đơn khởi kiện, ông T yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung Lâm Thị Hồng T3 theo quy định pháp luật. Xét thấy, theo khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Bà P không phải là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nên ông T yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con chung Lâm Thị Hồng T3 là phù hợp theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình buộc bà P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lâm Thị Hồng T3 mỗi tháng bằng $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở, $\frac{1}{2}$ mức lương cơ sở thời điểm xét xử vụ án là 1.800.000đ/tháng $\times \frac{1}{2} = 900.000đ$, cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung là Lâm Thị Hồng T3 đủ 18 tuổi. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng. Ông T không yêu cầu bà P cấp dưỡng nuôi con Lâm Thị Thu T2 nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Ông T và bà P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Bà P phải chịu án phí nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là 300.000 đồng theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Lâm Thanh T đối với bị đơn bà Võ Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Lâm Thanh T được ly hôn với bà Võ Thị P.

2. Về con chung: Giao cho ông Lâm Thanh T được quyền trực tiếp nuôi 02 con chung là Lâm Thị Thu T2, sinh ngày 16/3/2006 và Lâm Thị Hồng T3, sinh ngày 28/8/2013 cho đến khi 02 con chung Lâm Thị Thu T2 và Lâm Thị Hồng T3 đủ 18 tuổi. Bà Võ Thị P được quyền thăm nom con chung Lâm Thị Thu T2 và Lâm Thị Hồng T3, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Buộc bà Võ Thị P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là Lâm Thị Hồng T3, sinh ngày 28/8/2023 mỗi tháng 900.000 đồng (chín trăm nghìn đồng), cấp dưỡng hàng tháng. Thời gian cấp dưỡng kể từ ngày tuyên án cho đến khi con chung Lâm Thị Hồng T3 đủ 18 tuổi. Địa điểm giao nhận tiền cấp dưỡng: Tại Chi cục thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Sóc Trăng.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Ông Lâm Thanh T và bà Võ Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Ông Lâm Thanh T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Tòa án số 0000132 ngày 11/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên. Ông Lâm Thanh T đã nộp xong. Bà Võ Thị P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Mỹ Xuyên;
 - Các đương sự;
 - TAND tỉnh Sóc Trăng;
 - Chi cục T.H.A DS huyện Mỹ Xuyên;
 - UBND xã T
- (Theo GCNKH số 01 ngày 04/3/2009);
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mến